



Kinh tế VN năm 2010 & Định hướng năm 2011

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN

Chi còn một thời gian ngắn nữa, năm 2010 kết thúc, toàn cảnh kinh tế - xã hội nước ta sẽ được Đảng và nhà nước phân tích đánh giá trên hai giác độ kết quả đạt được và các khó khăn thách thức tác động đến năm 2011, để kịp cho độc giả có cái nhìn tổng thể, tôi biên soạn lại bài sơ kết “Tổng quan tình hình tế vĩ mô năm 2010 và định hướng

cho năm 2011” đăng trên báo điện tử của của Bộ Kế hoạch – Đầu tư. Vì vậy nguồn dữ liệu bài viết này là từ nguồn trên.

1. Đánh giá kinh tế VN năm 2010

Theo số liệu thống kê và đánh giá tổng quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Năm 2010, kinh tế - xã hội VN tăng trưởng trong điều kiện môi trường bên ngoài tác động này sinh nhiều thách thức như hệ quả của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và thiên tai, dịch bệnh. Nhưng với sự nỗ lực của nội lực các ngành, các cấp và cộng đồng doanh nghiệp, chúng ta đạt được nhiều chỉ tiêu do Quốc hội đưa ra. Cụ thể:

Năm 2010, mặc dù kinh tế toàn cầu phục hồi chậm, nhưng kinh tế nước ta đã sớm ra khỏi tình trạng suy giảm và có mức tăng trưởng khá cao. GDP tăng khoảng 6,7%. Khu vực nông nghiệp tăng 2,6%, công nghiệp và xây dựng tăng 7,6%, dịch vụ tăng 7,5%. Như vậy

giai đoạn 5 năm 2006 – 2010, tăng trưởng GDP bình quân đạt khoảng 7%/năm. Năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 1.160 USD. Cụ thể:

Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 11 ước đạt gần 71,3 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng 10 và tăng 14,3% so với tháng 11/2009. Tính chung 11 tháng ước đạt 717,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ, trong đó: khu vực kinh tế nhà nước tăng 7,5%; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng 14,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng cao nhất 16,9%.

Giá trị sản xuất công nghiệp 11 tháng của các doanh nghiệp thuộc Bộ tăng 12,5% so với cùng kỳ, trong đó, một số doanh nghiệp có mức tăng trưởng cao trên mức tăng trưởng chung của toàn ngành (13,8%) như: Tập đoàn Điện lực VN tăng 14,3%; Tập đoàn Hóa chất VN tăng 17,2%; Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tăng 38,0%; Tổng công ty Thiết



bị điện tăng 20,4%; Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp VN tăng gấp 2,3 lần; Tổng công ty Giấy VN tăng 24,0%, Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội tăng 31,5%; Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn tăng 14,3%; Công ty cổ phần Nhựa VN tăng 18,0% (Phụ lục 1).

Kim ngạch xuất khẩu tháng 11 ước đạt 6,45 tỷ USD, tăng 3,6% so với tháng 10, trong đó: xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 3,25 tỷ USD, tăng 1,5%; tính chung 11 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 64,3 tỷ USD, tăng 24,5% so với cùng kỳ, trong đó: xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 30,3 tỷ USD, tăng 40,2% và chiếm 47,2% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Xét về giá trị tuyệt đối, 11 tháng so với cùng kỳ, trong khi tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước tăng 12,7 tỷ USD thì xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước

ngoài (không kể dầu thô) tăng 8,7 tỷ USD. Như vậy, tăng trưởng xuất khẩu của cả nước phần lớn là do xuất khẩu của khu vực này.

Xét về nhóm hàng, so với cùng kỳ, nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 13,4 tỷ USD, chiếm 21,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 20,8%; nhóm nhiên liệu và khoáng sản ước đạt 7,1 tỷ USD, chiếm 11,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, bằng 89%; nhóm công nghiệp chế biến ước đạt 34,9 tỷ USD, chiếm 54,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 30,4%; nhóm hàng hoá khác (chưa phân tổ) ước đạt 8,9 tỷ USD, chiếm 14,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 52,8%.

Kim ngạch nhập khẩu tháng 11 ước đạt 7,7 tỷ USD, tăng 5,4% so với tháng 10, trong đó: nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 3,45 tỷ USD, tăng 5,0%; tính chung 11 tháng, tổng kim ngạch nhập khẩu ước đạt trên 74,9 tỷ USD, tăng 19,8% so với cùng kỳ, trong đó: nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước

ngoài ước đạt 32,5 tỷ USD, tăng 40,3% và chiếm 43,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Cán cân thương mại, ước nhập siêu tháng 11 là 1,25 tỷ USD, chiếm 19,4% kim ngạch xuất khẩu; nhập siêu 11 tháng ước tính 10,7 tỷ USD, bằng 16,6% kim ngạch xuất khẩu. Nếu không tính kim ngạch xuất khẩu vàng, nhập siêu 11 tháng là 13,5 tỷ USD, chiếm hơn 21% kim ngạch xuất khẩu.

Xét về thị trường, so với cùng kỳ, kim ngạch nhập khẩu từ châu Á tăng 21,0% và chiếm tỷ trọng ước đạt 78,8%; kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc ước đạt khoảng 17,7 tỷ USD, tăng tới 21,4% và chiếm khoảng 23,6% tổng kim ngạch nhập khẩu; châu Mỹ tăng 23,5% so với cùng kỳ và chiếm tỷ trọng khoảng 6,9%; châu Âu tăng 1,5% và chiếm tỷ trọng khoảng 9,9%.

Về nông nghiệp: Tính đến 15/11, các tỉnh miền Nam đã thu hoạch được 315,9 nghìn ha, bằng 98,5% so với cùng kỳ, đạt 41% tổng diện tích gieo cấy. Ước tính năng suất lúa mùa các tỉnh phía Nam có thể đạt 42 tạ/ha tăng 1,9 tạ/ha so với năm ngoái. Các tỉnh miền Bắc, hiện cũng đã cơ bản thu hoạch xong, đạt 1.137,5 ngàn ha bằng 98,7% so với cùng kỳ, chiếm 95,5% tổng diện tích gieo cấy. Ước sơ bộ năng suất chung các tỉnh miền Bắc tăng 0,4% so với năm ngoái.

Chăn nuôi, cả nước vẫn đang

chịu ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên kết quả điều tra chăn nuôi thời điểm 1/10/2010 cho thấy, so với năm ngoái tổng đàn lợn và đàn bò có giảm: Đàn bò 5916,3 nghìn con, bằng 96,9 % so với cùng kỳ; đàn lợn 27,35 triệu con, bằng 99% so với cùng kỳ. Đàn trâu có 2.943,4 nghìn con, tăng xấp xỉ 2% so với cùng kỳ. Riêng gia cầm phát triển nhanh với số lượng tổng đàn đạt 301 triệu con, bằng 107,5% so với cùng kỳ.

Lâm nghiệp, tính đến thời điểm này, kết quả thực hiện các chỉ tiêu lâm sinh của cả nước đều cao hơn năm ngoái: Diện tích trồng rừng tập trung đến nay đã vượt 9,9% kế hoạch, đạt 227,2 nghìn ha; chăm sóc rừng trồng đạt 300,7 nghìn ha, vượt 100,8 % so với kế hoạch; khoanh nuôi tái sinh rừng đạt 761,5 nghìn ha, vượt 13,9 % kế hoạch.

Thủy sản, sản lượng thủy sản

tháng 11 ước đạt 433 ngàn tấn, đưa tổng sản lượng thủy sản 11 tháng lên 4.683 ngàn tấn, tăng 5,8% so với cùng kỳ; trong đó, sản lượng khai thác đạt 2.195 ngàn tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ và đạt 91,5% kế hoạch năm; sản lượng nuôi trồng đạt 2.488 ngàn tấn, tăng 3,4% so với cùng kỳ và đạt 93,9% kế hoạch năm.

Về du lịch, Tính chung 11 tháng năm 2010 ước đạt 4.600.285 lượt, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2009. Cả nước có 877 DN kinh doanh lữ hành quốc tế. 10.000 DN kinh doanh lữ hành nội địa và có 11.610 cơ sở lưu trú.

Vốn đầu tư phát triển, năm 2010 ước tăng 12,9% so với năm 2009 và bằng khoảng 41% GDP. Dự kiến giải ngân vốn nhà nước khá cao sẽ đạt kế hoạch cả năm 2009; nhờ đó sớm hoàn thành nhiều công trình kết cấu hạ tầng và tạo thêm cơ sở sản xuất mới, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và phục hồi tăng trưởng kinh tế.

Năm 2010, có khoảng 85 nghìn doanh nghiệp các loại được thành lập mới với số vốn đăng ký khoảng 500 nghìn tỷ đồng; bình quân đạt gần 6 tỷ đồng/doanh nghiệp, tăng 125% so với năm 2009, góp phần quan trọng phát triển kinh tế và tạo thêm nhiều việc làm mới.

Năm 2010, theo báo cáo của Kế hoạch – đầu tư, tổng thu ngân sách nhà nước dự kiến vượt 12,7% so với dự toán và tăng 17,6% so

với năm 2009, bảo đảm được các nhiệm vụ chi và góp phần giảm bội chi xuống dưới 6%, thấp hơn kế hoạch đề ra (6,2%). Đến hết năm 2010, dư nợ chính phủ tương đương khoảng 44,5% GDP, dư nợ nước ngoài của quốc gia khoảng 42,2% GDP và dư nợ công bằng 56,7% GDP, nằm trong giới hạn an toàn.

Chính sách tiền tệ đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng và kiểm soát lạm phát, cơ bản bảo đảm được các mục tiêu đã đề ra từ đầu năm: tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 20%, dư nợ tín dụng tăng khoảng 25%. Tỷ giá được điều hành linh hoạt hơn theo nguyên tắc thị trường; thực hiện điều hành lãi suất cho vay theo cơ chế thỏa thuận và theo hướng giảm dần; tăng cường giám sát bảo đảm an toàn hoạt động của các tổ chức tín dụng; kiểm soát nợ xấu dưới 3%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2010 ước tăng 19,1%, gấp hơn 3 lần so với kế hoạch góp phần quan trọng vào việc giảm nhập siêu giảm bớt thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế.

Sản xuất kinh doanh phát triển, cân đối cung cầu được bảo đảm, cùng với các biện pháp tăng cường kiểm soát giá và chống đầu cơ, thị trường giá cả đã dần ổn định.

Trong điều kiện phải giảm bội chi ngân sách, nhưng các lĩnh vực văn hóa và xã hội vẫn được quan tâm chăm lo tốt hơn, góp phần thiết thực vào ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Thu nhập bình quân đầu người một tháng đạt 1 triệu 365 nghìn đồng, tăng 8,9% (đã loại trừ yếu tố tăng giá).

Cả năm tạo được khoảng 1,6 triệu việc làm mới; đã đào tạo nghề cho trên 1,7 triệu người. Chương trình đào tạo nghề cho lao động

	11 tháng năm 2010	11 tháng 2010 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng số	4.600.285	136,5
Đường không	3.696.642	135,9
Đường biển	46.000	74,9
Đường bộ	857.643	145,6
Du lịch, nghỉ ngơi	2.851.726	142,3
Đi công việc	932.486	139,3
Thăm thân nhân	520.241	110,7
Các mục đích khác	295.832	131,0
Trung Quốc	833.081	176,7
Hàn Quốc	450.373	138,0
Nhật Bản	398.572	122,8
Mỹ	395.408	107,8
Đài Loan	306.552	125,0
Úc	251.352	131,0
Campuchia	233.714	199,9
Thái Lan	201.280	142,6
Malaisia	187.519	129,1
Pháp	182.293	115,5
Các thị trường khác	1.160.041	131,5

Nguồn Tổng cục Thống kê



nông thôn được tích cực triển khai, riêng đào tạo nghề cho nông dân là 430 nghìn người. Dự kiến đến cuối năm 2010, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 40%.

Công tác giảm nghèo, nhất là ở 63 huyện nghèo nhất, được triển khai đồng bộ với các giải pháp trợ giúp thiết thực cả về sản xuất và đời sống. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,85%, xuống còn 9,5%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đang được triển khai tích cực. Chính sách trợ giúp người có công và bảo trợ xã hội tiếp tục được hoàn thiện, đã mở rộng đối tượng thụ hưởng và nâng mức trợ cấp. Nhà nước dành hơn 19.000 tỷ đồng (tăng 17% so với năm 2009) để thực hiện chính sách cho hơn 1,4 triệu người có công với cách mạng; dành 4.500 tỷ đồng (gấp hơn 2 lần năm 2009) để thực hiện trợ cấp thường xuyên cho hơn 1,6 triệu người và dành hàng nghìn tỷ đồng, hàng chục nghìn tấn gạo để trợ cấp đột xuất, chủ yếu cho khắc phục thiên tai và cứu đói giáp hạt.

Các chính sách phát triển nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp tập trung, người có thu nhập thấp khu vực đô thị, nhà ở cho người nghèo ở nông thôn, ký túc xá cho học sinh, sinh viên được khẩn trương triển khai và đạt kết quả tích cực. Dự nợ cho vay ưu đãi để thực hiện các chính sách xã hội là 91.000 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2009, riêng dự nợ tín dụng cho 1,9 triệu học sinh, sinh viên là 29.000 tỷ, tăng 60%. Tiếp tục thực hiện lộ trình cải cách tiền lương, đã điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu chung thực hiện từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và một số chính sách liên quan.

Hoạt động khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường đạt được

những kết quả tích cực như cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập bước đầu đã phát huy hiệu quả. Các doanh nghiệp khoa học công nghệ và cơ sở nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ được khuyến khích phát triển. Năm 2010 có trên 300 doanh nghiệp khoa học công nghệ được thành lập mới, gấp 2 lần năm 2009. Thị trường công nghệ có bước phát triển, giá trị các giao dịch, mua bán công nghệ tăng so với năm trước. Số lượng sáng chế của người VN được đăng ký bảo hộ tăng gấp 2 lần, trong đó số bằng bảo hộ được cấp tăng 15%; các nhà khoa học VN đã tạo được hơn 30 giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng cao.

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường đã được chú ý chấn chỉnh một bước. Hệ thống pháp luật về tài nguyên khoáng sản tiếp tục được hoàn thiện. Công tác thanh tra, kiểm tra việc cấp phép và chấp hành pháp luật về khai thác khoáng sản được tăng cường. Đã xây dựng và triển khai chiến lược khai thác, sử dụng khoáng sản nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và bảo vệ môi trường. Công tác quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước được quan tâm hơn. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang khẩn trương tổng kết việc thi hành luật đất đai để tiếp tục sửa đổi, hoàn thiện.

Công tác bảo vệ môi trường được coi trọng và tập trung chỉ đạo đồng bộ cả về xây dựng thể chế, chính sách; thực hiện các giải pháp phòng ngừa ô nhiễm; tăng cường kiểm tra, thanh tra và xử lý các vi phạm. Đã xử lý hàng trăm cơ sở vi phạm pháp luật về môi trường,

trong đó, có nhiều vụ vi phạm nghiêm trọng. Công tác đánh giá tác động môi trường và giải pháp ngăn ngừa ô nhiễm ở các dự án đầu tư mới được kiểm soát chặt chẽ hơn. Xử lý chất thải rắn đô thị, chất thải rắn y tế được đẩy mạnh. Việc bảo đảm nước sinh hoạt cho nhân dân được quan tâm, đến nay đã có 83% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 76% dân số đô thị được sử dụng nước sạch. Trồng và bảo vệ rừng có tiến bộ, đến cuối năm 2010, độ che phủ rừng đạt 39,5%. Chương trình mục tiêu và kế hoạch hành động quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu đang được tích cực triển khai.

Công tác đối ngoại được triển khai đồng bộ, toàn diện, cả ngoại giao chính trị, kinh tế và văn hoá; kết hợp đối ngoại của Đảng với ngoại giao của Nhà nước và ngoại giao nhân dân. Hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy nâng cấp quan hệ với nhiều đối tác, tạo điều kiện mở rộng quan hệ hợp tác nhiều mặt, cùng có lợi, tạo dựng vị thế mới của VN trong khu vực và trên thế giới. Những kết quả nổi bật của các Hội nghị cấp cao ASEAN 16, Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Hội nghị các Bộ trưởng ASEAN về các trụ cột kinh tế, văn hoá và xã hội... mà VN trên cương vị Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA và là nước chủ nhà Diễn đàn kinh tế Đông Á, được dư luận quốc tế và trong nước đánh giá cao. Công tác hội nhập quốc tế được triển khai tích cực và chủ động với những kết quả thiết thực. Công tác người VN ở nước ngoài tiếp tục được quan tâm. Những kết quả này đã góp phần nâng cao uy tín và vị



thế quốc tế của VN, tạo thêm điều kiện thuận lợi và nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2. Hạn chế

1. Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; cơ sở hạ tầng còn yếu kém; hiệu quả đầu tư thấp; đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với vai trò chiến lược của khu vực này. Công nghiệp hỗ trợ kém phát triển, giá trị gia tăng của sản phẩm thấp. Phát triển nguồn điện chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Khu vực doanh nghiệp nhà nước giữ một phần lớn vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên quốc gia nhưng hiệu quả đầu tư và tăng trưởng chưa tương xứng; cổ phần hoá và đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm; quản lý nhà nước và thực hiện quyền chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn nhiều bất cập.

2. Trong nền kinh tế vẫn bao cấp qua giá điện, giá than còn kéo dài, không khuyến khích tiết kiệm năng lượng và hạn chế việc huy động

vốn đầu tư của các thành phần kinh tế vào phát triển nguồn điện. Quản lý giá một số mặt hàng nhất là giá sữa, giá thuốc chữa bệnh chưa tốt. Các cân đối vĩ mô chưa vững chắc; điều tiết qua thuế còn cao, thất thu còn nhiều, chi ngân sách còn lãng phí, bội chi còn lớn, nhập siêu còn cao, cán cân thanh toán tổng thể vẫn còn thâm hụt, dự trữ ngoại tệ giảm, lãi suất cho vay còn cao. Sự phối hợp giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ còn chưa đồng bộ. Việc xử lý mối quan hệ giữa ổn định kinh tế vĩ mô và tăng trưởng chưa thật hợp lý, tốc độ tăng trưởng tuy đạt khá cao nhưng lại làm nảy sinh những khó khăn mới cho ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Tỷ lệ hộ cận nghèo và tái nghèo còn cao. Chưa tạo được chuyển biến mạnh trong giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng lao động. Chế độ tiền lương chưa hợp lý, nhất là khu vực hành chính công. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân vẫn còn không ít khó khăn, yếu kém; quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm

chưa tốt.

4. Chất lượng giáo dục đào tạo không đồng đều, chậm được cải thiện; nội dung và chương trình đào tạo nghề nghiệp, phương pháp dạy và học chậm được đổi mới. Phát triển giáo dục đào tạo ở các vùng khó khăn còn nhiều hạn chế, tỷ lệ thu hút học sinh ở bậc trung học phổ thông, tỷ lệ học sinh vào đại học cao đẳng đạt thấp, tỷ lệ học sinh yếu kém còn cao. Tình trạng vi phạm đạo đức trong nhà trường còn diễn ra ở nhiều nơi, gây bức xúc trong xã hội.

5. Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ vẫn chưa tạo được kết quả mang tính đột phá góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực này còn thấp, chưa có cơ chế phù hợp để huy động mạnh mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học và đổi mới công nghệ.

6. Thể chế, chính sách còn thiếu đồng bộ, vừa làm hạn chế hiệu quả quản lý, vừa dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng; kỷ luật, kỷ cương



chưa nghiêm. Việc phân cấp mạnh quản lý nhà nước trong khi chưa có quy hoạch phù hợp, thiếu kiểm tra, giám sát nên thực hiện còn tùy tiện, dẫn đến tình trạng đầu tư trùng lặp, phân tán, hiệu quả thấp, lãng phí nguồn lực. Công tác thanh tra, kiểm tra còn chồng chéo, chất lượng thấp.

3. Tăng trưởng kinh tế VN năm 2011

Năm 2011, dự báo kinh tế thế giới tuy tiếp tục phục hồi nhưng chưa vững chắc và còn nhiều khó khăn. Các nền kinh tế là thị trường xuất khẩu chính của VN như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản tăng trưởng chậm. Cuộc khủng hoảng nợ công của khu vực đồng Euro và thâm hụt ngân sách cao ở nhiều nước có thể gây biến động về tỷ giá giữa các đồng tiền, làm cho tính bất định và độ rủi ro tăng lên, tác động mạnh tới xuất nhập khẩu, đầu tư, chính sách tài khóa và tiền tệ của các quốc gia. Trong khi đó, giá cả nguyên liệu đầu vào có xu hướng

tăng, gây áp lực lên mặt bằng giá trong nước. Sự mạnh lên của nền kinh tế và sức cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc trong điều kiện hội nhập Đông Á và việc thực hiện các hiệp định mậu dịch tự do ASEAN và ASEAN+ ngày càng sâu rộng, tạo ra cơ hội nhưng cũng đặt ra những thách thức rất lớn đối với nền kinh tế nước ta. Nếu không tạo dựng được các yếu tố nội sinh bền vững để tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức thì ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế. Những điểm yếu của cơ sở hạ tầng, nguồn lực thể ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế, nhất là khu vực nông nghiệp- nông thôn- nông dân.

Mục tiêu tổng quát năm 2010:

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2011, tiếp tục kiểm soát lạm phát, đổi mới mô hình tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân

dân; giữ vững ổn định chính trị; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2010, các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cần đạt được năm 2011:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7-7,5% so với năm 2010;

- Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2011 tăng 10% so với năm 2010. Nhập siêu không vượt quá 18% kim ngạch xuất khẩu.

- Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng khoảng 40% GDP.

- Chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%.

4. Các giải pháp chủ yếu

Để đạt được các mục tiêu phát triển trong năm 2011, phải tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch 5 năm 2011-2015; chuẩn bị các điều kiện và triển khai theo các chương trình

kế hoạch sau:

- Chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế mà trước hết là điều chỉnh cơ cấu đầu tư, bao gồm cơ cấu đầu tư trong từng ngành, từng lĩnh vực, cơ cấu nguồn vốn theo hướng giảm đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư.

- Áp dụng các biện pháp để tăng mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu chặt chẽ hơn, nhất là hàng tiêu dùng cao cấp đắt tiền, gắn với đẩy mạnh sản xuất trong nước thay thế nhập khẩu để giảm tỷ lệ nhập siêu. Tăng tính ổn định các cân đối lớn, như cân đối cung cầu hàng hóa gắn với định hướng tiêu dùng, thực hiện có hiệu quả cuộc vận động người VN ưu tiên dùng hàng VN; cân đối giữa tiết kiệm và đầu tư; cân đối ngoại tệ quốc gia, thu chi ngân sách,...

- Phối hợp chặt chẽ chính sách tài khoá với chính sách tiền tệ; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng; tăng tổng phương tiện thanh toán phù hợp với các chỉ tiêu vĩ mô. Thực hiện đồng bộ các giải pháp điều chỉnh lãi suất phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường, tạo điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ thị trường vàng, việc lưu hành ngoại tệ. Chủ động thực hiện lộ trình điều chỉnh giá cả một số hàng hóa, dịch vụ Nhà nước đang quản lý như điện, than, các dịch vụ công như y tế, giáo dục,... theo cơ chế thị trường, đồng thời có chính sách hỗ trợ đối với người có công, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo. Đẩy mạnh các biện pháp quản lý thị trường; phát triển, hoàn thiện hệ thống phân phối, lưu thông, nhất là một số mặt hàng thiết yếu như lương thực, sữa, thuốc chữa bệnh.

Áp dụng các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nợ công, cơ cấu nợ công và ổn định giá trị đồng tiền, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Từng bước giảm tỷ lệ huy động vào ngân sách so với GDP, đồng thời với việc áp dụng quyết liệt các biện pháp chống thất thu. Tiếp tục đổi mới chính sách và cơ cấu chi ngân sách nhà nước, bảo đảm chi đúng mục đích, có hiệu quả, tiết kiệm và chống lãng phí.

Tóm lại: năm 2010, kinh tế phục hồi và tăng trưởng khá cao. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Các lĩnh vực kinh tế-văn hóa -xã hội có tiến bộ, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Chính trị xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả quan trọng. Vị thế và uy tín của VN trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao.

Năm 2011, kinh tế VN sẽ có nhiều cơ hội hơn để phát triển, chúng ta cần sử dụng các điểm mạnh để kết hợp các cơ hội đầy nhanh hơn sự tăng trưởng. Đồng thời cần theo dõi môi trường quốc tế kịp thời phát hiện các nguy cơ như suy giảm kinh tế, nợ công tăng, thị trường suy giảm... để sử dụng điểm mạnh đối phó. ●

Nguồn:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo kinh tế - xã hội năm 2010*.
- Bộ Công thương, *Báo cáo tình hình phát triển ngành năm 2010*.
- Tổng cục Du lịch, *Khách quốc tế đến VN tháng 11 và 11 tháng năm 2010*.

